

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ONE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2001.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 24 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 8 năm 2010, Công ty được cấp lại mã số doanh nghiệp là 0100233174; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 4 tháng 7 năm 2023 đổi tên Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 thành Công ty Cổ phần Công nghệ One và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 11 tháng 7 năm 2025 cập nhật thông tin địa chỉ theo địa bàn hành chính mới.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3976 5086
- Fax : (024) 3976 5123

Đơn vị trực thuộc

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lư Hồng Chiếu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Đinh Quang Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đoàn Thu Hằng	Thành viên	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên	Ngày 23 tháng 6 năm 2023

Ban điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đặng Anh Phương	Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Lư Hồng Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	Ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Anh Phương (tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Phương

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 2.0378/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ One tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059 -2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338.273.321.140	326.764.419.683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.921.217.704	76.029.793.987
1. Tiền	111		33.225.177.704	76.029.793.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.696.040.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.377.708.430	192.684.530.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	254.224.534.589	207.996.223.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.680.185.416	11.134.442.648
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	6.484.964.088	6.532.822.699
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(42.011.975.663)	(32.978.959.164)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	64.483.631.629	57.564.598.612
1. Hàng tồn kho	141		66.144.475.548	59.518.805.681
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.660.843.919)	(1.954.207.069)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		490.763.377	485.496.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		153.304.691	189.440.950
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	337.458.686	296.056.043
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.722.830.526	11.726.728.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.100.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	108.100.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.424.999.998	11.512.817.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	9.424.999.998	11.512.817.037
Nguyên giá	222		25.307.263.395	25.614.336.121
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.882.263.397)	(14.101.519.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		189.730.528	213.911.561
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		189.730.528	213.911.561
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.996.151.666	338.491.148.281

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		242.609.147.123	236.342.532.524
I. Nợ ngắn hạn	310		241.334.463.576	233.155.823.661
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	160.474.538.284	122.550.499.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.912.772.455	9.800.081.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	2.621.711.057	2.823.587.830
4. Phải trả người lao động	314		599.847.496	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	5.440.524.710	3.493.448.997
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.565.717.646	592.166.838
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	5.310.290.582	5.151.908.438
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	48.293.390.227	88.234.993.368
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	115.671.119	509.137.804
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.274.683.547	3.186.708.863
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	1.274.683.547	3.186.708.863
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.387.004.543	102.148.615.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	105.387.004.543	102.148.615.757
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79.603.100.000	79.603.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		569.520.609	569.520.609
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.548.535.177	5.484.618.519
5. Cổ phiếu quỹ	415		(330.903.170)	(330.903.170)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.217.877.737	8.217.877.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.778.874.190	8.604.402.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.297.945.944	8.604.402.062
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.480.928.246	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.996.151.666	338.491.148.281

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	482.374.340.112	580.761.310.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		482.374.340.112	580.761.310.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	439.512.113.938	544.446.326.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.862.226.174	36.314.984.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	994.227.369	878.471.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.572.699.800	8.572.719.877
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.082.791.811	4.321.842.498
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.047.956.193	2.097.722.832
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.124.884.558	24.708.786.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.110.912.992	1.814.226.091
11. Thu nhập khác	31	VI.7	863.189.265	878.240.835
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.669.819.408	970.412.164
13. Lợi nhuận khác	40		(3.806.630.143)	(92.171.329)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.304.282.849	1.722.054.762
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.938.060.748	443.721.612
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.366.222.101	1.278.333.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	384	146
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	384	146

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.304.282.849	1.722.054.762
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	2.085.608.706	2.192.057.903
- Các khoản dự phòng	03	VI.2; VI.6	8.739.653.349	8.319.194.099
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	1.358.678.574
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(8.476.853)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.082.791.811	4.321.842.498
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.203.859.862	17.913.827.836
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.875.697.481)	13.815.393.529
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.625.669.867)	46.380.741.724
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		46.957.020.274	(80.684.560.253)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		60.317.292	450.317.844
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.145.738.144)	(4.063.620.041)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.8	(1.318.424.948)	(570.681.879)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.12	(521.300.000)	(697.948.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.734.366.988	(7.456.529.914)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.685.186	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.685.186	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.11	109.643.774.046	223.481.878.531
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.11	(151.497.402.503)	(173.329.488.085)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.853.628.457)	50.152.390.446
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.108.576.283)	42.695.860.532
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.029.793.987	33.333.883.473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	49.982
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	50.921.217.704	76.029.793.987

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt



Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt các thiết bị điện tử viễn thông, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ...; sản xuất điện thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ One, địa chỉ tại số 62 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 69 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các hợp đồng đang thực hiện chưa ghi nhận doanh thu.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng hoặc theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	07

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá kèm dịch vụ lắp đặt

Doanh thu bán hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát lên lưới và đơn giá bán điện theo Hợp đồng mua bán điện được ký kết với Tổng Công ty Điện lực Miền Nam. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong một lĩnh vực cung cấp và lắp đặt thiết bị viễn thông và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	124.045.767	439.089.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.101.131.937	75.590.704.396
Các khoản tương đương tiền	17.696.040.000	-
<i>Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	50.921.217.704	76.029.793.987

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Samjin Việt Nam	35.160.444.732	35.160.444.732
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	83.092.456.607	13.304.133.150
Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa tàu Hải Minh	-	22.491.525.000
Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa Tàu Hải Long	-	22.479.716.000
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	73.475.709.768	-
Các khách hàng khác	62.495.923.482	114.560.405.026
Cộng	254.224.534.589	207.996.223.908

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó, số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 136.444.724.825 VND (Số đầu năm: 27.884.694.181 VND) được dùng để đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (xem thuyết minh số V.11a).

3. Phải thu khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	794.008.419	-	1.144.469.924	-
Ông Lư Hồng Chiêu - Tạm ứng	-	-	152.224.540	-
Ông Đặng Anh Phương - Chi hộ	794.008.419	-	992.245.384	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.690.955.669	(674.476.610)	5.388.352.775	(494.694.857)
Tạm ứng cho nhân viên	1.740.177.071	-	2.745.807.071	-
Dự thu lãi tiền gửi	117.307.691	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	3.099.181.545	-	1.829.692.531	-
Vật tư, hàng hóa cho mượn	726.589.362	(674.476.610)	748.641.173	(494.694.857)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.700.000	-	64.212.000	-
Cộng	6.484.964.088	(674.476.610)	6.532.822.699	(494.694.857)

3b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	42.520.884.630	(41.157.233.104)	39.877.306.695	(32.303.998.358)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	4.206.680.218	(4.206.680.218)	4.206.680.218	(4.206.680.218)
Sở Y tế Thanh Hóa	10.969.112.000	(10.969.112.000)	10.969.112.000	(10.969.112.000)
Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang	2.350.155.571	(2.350.155.571)	-	-
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương	4.929.600.000	(4.929.600.000)	4.929.600.000	(3.450.720.000)
Công ty TNHH Samjin Việt Nam	17.325.136.133	(15.979.804.888)	17.325.136.133	(11.230.707.796)
Các khách hàng khác	2.740.200.708	(2.721.880.427)	2.446.778.344	(2.446.778.344)
Trả trước cho người bán	180.265.949	(180.265.949)	180.265.949	(180.265.949)
Phải thu tiền vật tư, hàng hóa cho mượn	674.476.610	(674.476.610)	494.694.857	(494.694.857)
Cộng	43.375.627.189	(42.011.975.663)	40.552.267.501	(32.978.959.164)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.978.959.164	24.953.128.215
Trích lập dự phòng bổ sung	9.033.016.499	15.507.361.397
Hoàn nhập dự phòng	-	(7.481.530.448)
Số cuối năm	42.011.975.663	32.978.959.164

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.856.643.830	-	47.625.351.883	(293.363.150)
Công trình bệnh viện Việt Đức	11.463.087.150	-	11.463.087.150	-
Công trình bệnh viện Bạch Mai	5.083.258.468	-	5.083.258.468	-
Các công trình khác	37.310.298.212	-	31.079.006.265	(293.363.150)
Hàng hóa	12.287.831.718	(1.660.843.919)	11.893.453.798	(1.660.843.919)
Cộng	66.144.475.548	(1.660.843.919)	59.518.805.681	(1.954.207.069)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.954.207.069	1.660.843.919
Trích lập dự phòng bổ sung	-	293.363.150
Hoàn nhập dự phòng	(293.363.150)	-
Số cuối năm	1.660.843.919	1.954.207.069

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.850.000.000	13.720.300.000	4.783.094.461	2.134.578.024	126.363.636	25.614.336.121
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.800.000)	-	(148.909.090)	(126.363.636)	(307.072.726)
Số cuối năm	4.850.000.000	13.688.500.000	4.783.094.461	1.985.668.934		25.307.263.395
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	3.783.094.461	1.790.593.794	-	5.573.688.255
Chờ thanh lý	-	38.500.000	-	195.075.140	-	233.575.140
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.020.833.333	5.744.991.667	4.085.863.534	2.123.466.914	126.363.636	14.101.519.084
Khấu hao trong năm	485.000.000	1.375.600.000	213.897.596	11.111.110		2.085.608.706
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.591.667)	-	(148.909.090)	(126.363.636)	(304.864.393)
Số cuối năm	2.505.833.333	7.091.000.000	4.299.761.130	1.985.668.934		15.882.263.397
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.829.166.667	7.975.308.333	697.230.927	11.111.110	-	11.512.817.037
Số cuối năm	2.344.166.667	6.597.500.000	483.333.331	-	-	9.424.999.998
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.424.999.998 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nokia Solutions and Networks OY	48.379.055.388	11.689.911.597
Almight Marine and Engineering Pte.LTD (ALM)	-	34.767.362.213
Sandav Business Solutions Pte Ltd	46.661.493.294	-
Các nhà cung cấp khác	65.433.989.602	76.093.225.485
Cộng	160.474.538.284	122.550.499.295

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	1.276.545.020	-	3.318.282.940	(3.843.952.727)	750.875.233	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	296.056.043	3.236.399	(3.236.399)	-	296.056.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.850.888	-	2.938.060.748	(1.318.424.948)	1.848.486.688	-
Thuế thu nhập cá nhân	77.908.685	-	183.780.268	(280.742.460)	22.349.136	41.402.643
Các loại thuế khác	1.240.283.237	-	1.707.700.826	(2.947.984.063)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	157.225.537	(157.225.537)	-	-
Cộng	2.823.587.830	296.056.043	8.308.286.718	(8.551.566.134)	2.621.711.057	337.458.686

(*) Trong đó, thuế GTGT vãng lai nộp tại địa phương khác là 60.039.242 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Phần mềm	Không chịu thuế
Tổng đài điện thoại, cáp quang, máy in, dây cáp mạng...	8% – 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.304.282.849	1.722.054.762
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.158.903.909	496.553.296
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.158.903.909	496.553.296
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	9.463.186.758	2.218.608.058
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.892.637.352	443.721.612
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.045.423.396	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.938.060.748	443.721.612

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	250.000.000	-
Thù lao HĐQT, BKS	250.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.190.524.710	3.493.448.997
Chi phí lãi vay phải trả	356.237.242	419.183.575
Chi phí sản xuất kinh doanh	4.834.287.468	3.074.265.422
Cộng	5.440.524.710	3.493.448.997

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.103.916.288	1.025.338.888
Cổ tức phải trả	4.100.824.550	4.100.824.550
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	105.549.744	25.745.000
Cộng	5.310.290.582	5.151.908.438

11. Vay

11a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay bên liên quan</i>	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thị Chinh ^(v)	500.000.000	500.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	42.111.364.911	79.492.968.052
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾	39.167.387.411	54.797.478.800
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	-	12.166.398.308
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	12.529.090.944
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(iv)	2.943.977.500	-
<i>Vay các tổ chức và cá nhân khác^(v)</i>	3.770.000.000	6.330.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.11b)</i>	1.912.025.316	1.912.025.316
Cộng	48.293.390.227	88.234.993.368

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VND), thời hạn duy trì hạn mức đến 16/4/2026, mục đích để phục vụ hoạt động kinh doanh phần mềm, cung cấp, lắp đặt thiết bị điện tử viễn thông, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng và số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng với tổng hạn mức 160.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 80.000.000.000 VND), để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

và lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 (Xem thuyết minh số VII.1a).

- (iii) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng tối đa 100.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 45.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn khoản vay tối đa là 8 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng.
- (iv) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hạn mức tín dụng tối đa 150.000.000.000 VND (trong đó hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn khoản vay tối đa là 6 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng cung cấp hàng hóa cho khách hàng.
- (v) Là các khoản vay tín chấp cá nhân không có thời hạn, lãi suất 10%/năm. Mục đích là nhập vật tư phục vụ cho việc thực hiện các hợp đồng với khách hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	500.000.000	79.492.968.052	6.330.000.000	1.912.025.316	88.234.993.368
Số tiền vay phát sinh	-	98.443.774.046	11.200.000.000	-	109.643.774.046
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-	1.912.025.316	1.912.025.316
Số tiền vay đã trả	-	(135.825.377.187)	(13.760.000.000)	(1.912.025.316)	(151.497.402.503)
Số cuối năm	500.000.000	42.111.364.911	3.770.000.000	1.912.025.316	48.293.390.227

11b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4530353/HĐTD ngày 30/6/2022 với lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu tháng 1 và tháng 7 hàng năm. Thời hạn vay từ 30/6/2022 đến hết ngày 14/8/2027, mục đích đầu tư Dự án trang trại trồng nấm rom công nghệ cao kết hợp điện mặt trời mái nhà nông - quang điện One – Thuận An. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc Dự án Điện mặt trời áp mái của Công ty (Xem thuyết minh số V.6) và tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ 3 (Xem thuyết minh số VII.1a).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.912.025.316	1.912.025.316
Trên 1 năm đến 5 năm	1.274.683.547	3.186.708.863
Cộng	3.186.708.863	5.098.734.179

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.186.708.863	5.098.734.179
Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(1.912.025.316)	(1.912.025.316)
Số cuối năm	1.274.683.547	3.186.708.863

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	509.137.804	1.026.849.478
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	127.833.315	180.237.000
Chi quỹ	(521.300.000)	(697.948.674)
Số cuối năm	115.671.119	509.137.804

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm	Lợi nhuận trong năm	Trích lập các quỹ	Số dư cuối năm
Năm trước				
Vốn góp của chủ sở hữu	79.603.100.000	-	-	79.603.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	569.520.609	-	-	569.520.609
Vốn khác của chủ sở hữu	5.394.500.000	-	90.118.519	5.484.618.519
Cổ phiếu quỹ	(330.903.170)	-	-	(330.903.170)
Quỹ đầu tư phát triển	8.217.877.737	-	-	8.217.877.737
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.596.424.431	1.278.333.150	(270.355.519)	8.604.402.062
Cộng	101.050.519.607	1.278.333.150	(180.237.000)	102.148.615.757
Năm nay				
Vốn góp của chủ sở hữu	79.603.100.000	-	-	79.603.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	569.520.609	-	-	569.520.609
Vốn khác của chủ sở hữu	5.484.618.519	-	63.916.658	5.548.535.177
Cổ phiếu quỹ	(330.903.170)	-	-	(330.903.170)
Quỹ đầu tư phát triển	8.217.877.737	-	-	8.217.877.737
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.604.402.062	3.366.222.101	(191.749.973)	11.778.874.190
Cộng	102.148.615.757	3.366.222.101	(127.833.315)	105.387.004.543

13b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.960.310	7.960.310
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	66.652	66.652
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.893.658	7.893.658

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 như sau:

	VND
• Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ	63.916.658
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	127.833.315

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ là 2.028,97 USD (Số đầu năm: 3.800,36 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	469.226.544.258	568.167.363.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.935.536.903	9.323.229.831
Doanh thu bán điện thành phẩm	3.212.258.951	3.270.717.823
Cộng	482.374.340.112	580.761.310.872

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	435.102.764.680	537.496.000.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.575.961.199	4.523.849.674
Giá vốn bán điện thành phẩm	2.126.751.209	2.133.113.204
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(293.363.150)	293.363.150
Cộng	439.512.113.938	544.446.326.824

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	199.066.458	22.294.934
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	575.253.049	856.176.582
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	219.907.862	-
Cộng	994.227.369	878.471.516

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.082.791.811	4.321.842.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	489.907.989	2.892.198.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.358.678.574
Cộng	2.572.699.800	8.572.719.877

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.742.720	38.832.654
Chi phí vật liệu, bao bì	67.221.839	6.868.943
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	72.779.852	91.630.995
Chi phí bảo hành	542.189.970	104.961.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.825.155.954	1.751.916.168
Các chi phí khác	1.518.865.858	103.512.304
Cộng	4.047.956.193	2.097.722.832

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.044.696.607	10.503.447.906
Chi phí vật liệu quản lý	145.342.967	40.688.480
Chi phí đồ dùng văn phòng	411.521.022	792.725.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.608.706	242.057.903
Thuế, phí và lệ phí	210.657.393	144.351.110
Dự phòng phải thu khó đòi	9.033.016.499	8.025.830.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.239.859.315	2.685.092.279
Các chi phí khác	904.182.049	2.274.592.497
Cộng	27.124.884.558	24.708.786.764

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.476.853	-
Thu tiền thưởng bán hàng, hỗ trợ khuyến mại	-	597.302.050
Tiền lãi phạt chậm thanh toán	854.710.411	277.704.805
Thu nhập khác	2.001	3.233.980
Cộng	863.189.265	878.240.835

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	3.331.805.403	970.295.484
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.244.185.970	94.679
Lỗi thanh lý hàng hỏng	33.585.935	-
Chi phí khác	60.242.100	22.001
Cộng	4.669.819.408	970.412.164

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.788.526.005	4.571.407.097
Chi phí nhân công	16.660.611.483	12.281.989.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.085.608.706	2.192.057.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.065.015.269	4.437.008.447
Chi phí khác	12.693.212.643	11.830.968.413
Chi phí thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa kèm dịch vụ lắp đặt	71.623.375.294	143.068.844.824
Cộng	112.916.349.400	178.382.276.039

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONE

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.366.222.101	1.278.333.150
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(336.622.210)	(127.833.315)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.029.599.891	1.150.499.835
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.893.658	7.893.658
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	384	146

- (*) Để phục vụ cho mục đích tính Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính bằng 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 162 VND xuống còn 146 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thu hoàn tạm ứng, thu tiền chi hộ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài ra, Công ty phát sinh giao dịch lãi vay phải trả cho bà Nguyễn Thị Chinh – Cá nhân có liên quan của thành viên quản lý chủ chốt, số tiền là 50.000.000 VND (Năm trước: 50.000.000 VND).

Cam kết bảo lãnh

Ông Đặng Anh Phương dùng Quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (xem thuyết minh số V.11b).

Ngoài ra, Ông Đặng Anh Phương còn dùng bất động sản thuộc sở hữu của Bà Đinh Thị Chiến và Bà Tạ Thị Kim Lan để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (xem thuyết minh số V.11a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V9 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-	60.000.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	600.000.000	28.000.000	628.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	20.500.000	440.500.000
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	20.500.000	440.500.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	392.400.000	18.000.000	410.400.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	399.600.000	25.000.000	424.600.000
Cộng		2.292.000.000	112.000.000	2.404.000.000
Năm trước				
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-	60.000.000
Ông Đặng Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 23/6/2023)/ Tổng Giám đốc	600.000.000	3.000.000	603.000.000
Ông Hoàng Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	3.000.000	423.000.000
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	3.000.000	423.000.000
Ông La Thanh Cần	Giám đốc Chi nhánh	392.400.000	3.000.000	395.400.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	399.600.000	3.000.000	402.600.000
Cộng		2.292.000.000	15.000.000	2.307.000.000

Công ty đang tạm trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số tiền 250.000.000 VND (Xem thuyết minh số V.9).

Do không đạt kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nên các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thống nhất không nhận thù lao năm 2024.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương